

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒

Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thể dục thể thao

Chuyên ngành: Thể thao

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN THỊ TÚ

2. Ngày tháng năm sinh: 10/01/1982 Nam: ☐ Nữ: ☒ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 77, Tổ 8, Phường Chùa Hang, Thành phố Thái Nguyên.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Khoa Thể dục Thể thao, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Số 20, Đường Lương Ngọc Quyến, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại di động: 0986 703 726; E-mail: tutt@tnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 10 năm 2005 đến tháng 3 năm 2006: Giảng viên tạo nguồn, Khoa Thể dục Thể thao, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 5 năm 2018: Giảng viên, Khoa Thể dục Thể thao, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 01 năm 2020: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Thể dục thể thao chuyên ngành, Khoa Thể dục Thể thao, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Từ tháng 2 năm 2020 đến tháng 01 năm 2021: Giảng viên chính, Phó trưởng bộ môn Thể dục thể thao chuyên ngành, Khoa Thể dục Thể thao, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Từ tháng 2 năm 2021 đến nay: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn Thể dục thể thao chuyên ngành, Khoa Thể dục Thể thao, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính - Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Thể dục Thể thao, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Địa chỉ cơ quan: Số 20, Đường Lương Ngọc Quyến, Thành Phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại cơ quan: 02083902903

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.....: Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 27 tháng 6 năm 2005; số văn bằng: C0681405; ngành: Giáo dục thể chất; chuyên ngành: Giáo dục thể chất; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng Đại học ngày 20 tháng 6 năm 2011; số văn bằng: 0007855; ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 05 tháng 8 năm 2011; số văn bằng: A013873; ngành: Giáo dục học; chuyên ngành: Giáo dục thể chất; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học TDDT Bắc Ninh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 01 tháng 10 năm 2019; số văn bằng: 000009; ngành: Giáo dục học; chuyên ngành: Giáo dục thể chất; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học TDDT Bắc Ninh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Trung cấp Lí luận chính trị - Hành chính ngày 23 tháng 4 năm 2020; số văn bằng: TC0082481; Nơi cấp bằng Trung cấp: Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1) Nghiên cứu về Giáo dục thể chất (Tập trung vào các vấn đề như thực trạng công tác Giáo dục thể chất; giải pháp nâng cao hiệu quả Giáo dục thể chất ở trường phổ thông và đại học).

2) Nghiên cứu về Thể thao trường học (Tập trung vào các vấn đề như thực trạng hoạt động thể thao trường học; giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể thao trường học; thực trạng trình độ thể lực và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực của học sinh, sinh viên).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Hướng dẫn 04 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Giáo dục thể chất; xuất bản 06 sách giáo trình phục vụ đào tạo. Chủ trì và hoàn thành nghiệm thu 03 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên (trong đó có 02 đề tài cấp Cơ sở và 01 đề tài cấp Đại học); công bố 39 bài báo khoa học. Cụ thể là:

- *Hướng nghiên cứu 1:* Nghiên cứu về Giáo dục thể chất (Tập trung vào các vấn đề như thực trạng công tác Giáo dục thể chất; giải pháp nâng cao hiệu quả Giáo dục thể chất ở trường phổ thông và đại học).

+ Số bài báo và báo cáo khoa học được công bố là 30 bài báo: [4, 5, 6, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 34, 35, 36, 38, 39].

+ Số bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế có uy tín thuộc danh mục Scopus ứng viên là tác giả chính sau tiến sĩ là 03 bài báo [9, 10, 11] và 01 bài báo đăng trên AIP Conference Proceedings (thuộc danh mục Scopus) [13].

+ Thực hiện 02 đề tài khoa học [6.3, 6.2]. Trong đó có 01 đề tài cấp Đại học [6.3] và 01 đề tài cấp Cơ sở [6.2].

+ Hướng dẫn chính 03 học viên cao học đã có quyết định tốt nghiệp và cấp bằng [4.2, 4.4].

+ Biên soạn được 05 giáo trình xuất bản làm tài liệu học tập [5.1, 5.2, 5.3, 5.4, 5.5].

- *Hướng nghiên cứu 2:* Nghiên cứu về Thể thao trường học (Tập trung vào các vấn đề như thực trạng hoạt động thể thao trường học; giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể thao trường học; thực trạng trình độ thể lực và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực của học sinh, sinh viên).

+ Số bài báo và báo cáo khoa học được công bố là 09 bài báo: [1, 2, 3, 7, 8, 12, 26, 33, 37].

+ Số bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế có uy tín thuộc danh mục Scopus ứng viên là tác giả chính sau tiến sĩ là 01 bài báo: [12].

+ Thực hiện 01 đề tài khoa học cấp Cơ sở [6.1].

+ Hướng dẫn chính 02 học viên cao học đã có quyết định tốt nghiệp và cấp bằng [4.1, 4.3].

+ Biên soạn được 01 giáo trình xuất bản làm tài liệu học tập [5.6].

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Huấn luyện 01 Vận động viên đạt huy chương Vàng môn Nhảy cao tại Hội thi Nghiệp vụ Sư phạm - Văn nghệ - Thể thao Toàn quốc lần thứ V.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Danh hiệu thi đua, khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận; cơ quan ban hành
Danh hiệu thi đua		
2021 - 2022	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 1711/QĐ-ĐHSP, ngày 12/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN
2022 - 2023	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 1738/QĐ-ĐHSP, ngày 07/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN
2024	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 3686/QĐ-ĐHSP, ngày 10/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN
Khen thưởng		
2020	Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 3448/QĐ-BGDĐT, ngày 05/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2024	Giấy khen của Hiệu trưởng	Quyết định số 200/QĐ-ĐHSP, ngày 18/01/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN
2025	Giấy khen của Hiệu trưởng	Quyết định số 773/QĐ-ĐHSP, ngày 21/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

* *Về chính trị tư tưởng:* Tôi luôn chấp hành chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; Có ý thức nghiên cứu, học tập, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định và các văn bản của Đảng.

* *Về đạo đức, lối sống:* Không tham ô, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, quan liêu, cơ hội, vụ lợi; Có tinh thần đoàn kết, xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong sạch, vững mạnh; Có lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, trong sáng, giản dị; Có thái độ đúng mực và phong cách ứng xử, lễ lối làm việc chuẩn mực, đáp ứng yêu cầu của văn hóa cơ quan.

** Về công tác quản lí, giảng dạy:*

- Với vai trò quản lí chuyên môn là Trưởng bộ môn: Tôi chủ động trong việc quản lí và tổ chức các hoạt động của tổ chuyên môn như tổ chức sinh hoạt chuyên môn, phân công giảng dạy, phê duyệt kế hoạch và kiểm tra hồ sơ lên lớp của giảng viên, thẩm định đề thi kết thúc học phần; tham gia hội đồng đào tạo của khoa để thực hiện nhiệm vụ phát triển chương trình đào tạo. Coi trọng, hỗ trợ đồng nghiệp và luôn gần gũi, gắn kết với đồng nghiệp trong quản lí chuyên môn vì vậy bộ môn do tôi phụ trách luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao đảm bảo về thời gian và chất lượng.

- Với vai trò giảng viên: Bản thân tôi tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo đại học và thạc sĩ tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Đối với trình độ đại học, tôi đã tham gia giảng dạy các học phần như: Phương pháp nghiên cứu khoa học và Đo lường thể thao; Điền kinh 1; Điền kinh 2; Quản lí thể dục thể thao (thuộc chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất); Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (thuộc chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục mầm non hệ Chính quy và Vừa làm vừa học); Các học phần Giáo dục thể chất cho sinh viên không chuyên Thể dục thể thao của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tôi đã tham gia giảng dạy các học phần như: Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao; Đo lường thể dục thể thao (thuộc chương trình đào tạo Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Giáo dục thể chất). Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn thực hiện đầy đủ và có chất lượng mọi hoạt động chuyên môn cũng như phong trào. Luôn tâm huyết, tìm tòi, học hỏi những kiến thức mới, tích cực đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Bên cạnh đó, tôi luôn tích cực tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Hằng năm, tôi luôn vượt định mức giờ giảng dạy theo quy định.

** Về nghiên cứu khoa học:*

Tôi nhận thức rằng, đối với mỗi giảng viên nhiệm vụ chính đó là giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Vì vậy, bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy tôi luôn cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cá nhân. Bên cạnh đó, tôi luôn sẵn sàng chia sẻ những kiến thức, kinh nghiệm nghiên cứu có được với đồng nghiệp, tích cực giúp đỡ đồng nghiệp và sinh viên trong nghiên cứu khoa học. Trong những năm vừa qua, tôi đã chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Cơ sở và Đại học, tham gia biên soạn giáo trình, hướng dẫn đề tài, luận văn và tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ. Hằng năm, tôi luôn vượt định mức giờ chuẩn quy định về nghiên cứu khoa học theo quy định của nhà trường. Với những kết quả đã đạt được trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tôi nhận được sự đánh giá tích cực của đồng nghiệp cũng như các nhà khoa học trong và ngoài nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 3 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020					253,6	48	301,6/311,28/229,5
2	2020-2021				1	233,8	96	329,8/360,74/229,5
3	2021-2022				1	219	96	315/351,06/216
03 năm học cuối								
4	2022-2023			2		241,20	0	241,20/361,86/216
5	2023-2024			1	1	196,80	96	292,80/373,94/216
6	2024-2025			1	1	217	96	313/392,10/216

Ghi chú:

(*) - Theo Quy định tại Quyết định số 2537/QĐ-ĐHTN ngày 04/11/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo trong Đại học Thái Nguyên.

- Theo Quy định tại Quyết định số 2599/QĐ-ĐHTN ngày 15/12/2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo trong Đại học Thái Nguyên.

- Theo Quy định tại Quyết định số 4130/QĐ-ĐHSP ngày 13/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo trong Trường Đại học Sư phạm.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH Tại nước: Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường đại học cấp bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ: Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; số văn bằng: 0007855; năm cấp: 2011

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: Không

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác: Không Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Văn bằng 2 Tiếng Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Văn Tiến Trung		HVCH	x		T1/2021-T12/2021	Trường ĐHSP - ĐHTN	QĐ cấp bằng số 2174/QĐ-ĐHSP ngày 08/9/2022
2	Vi Văn Tùng		HVCH	x		T1/2021-T12/2021	Trường ĐHSP - ĐHTN	QĐ cấp bằng số 2174/QĐ-ĐHSP ngày 08/9/2022
3	Cao Văn Hoàn		HVCH	x		T1/2023-T12/2023	Trường ĐHSP - ĐHTN	QĐ cấp bằng số 207/QĐ-ĐHSP ngày 19/01/2024
4	Đào Văn Bình		HVCH	x		T12/2023-T12/2024	Trường ĐHSP - ĐHTN	QĐ cấp bằng số 239/QĐ-ĐHSP ngày 24/01/2025

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Mức độ tham gia	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Nhảy cao và Nhảy xa	GT	NXB ĐHTN, 2016	02	Thành viên	4-98	QĐ số 243/QĐ-NXBĐHTN ngày 21/11/2016 Xuất bản giáo trình QĐ số 4317 ^a /QĐ-ĐHSP ngày 02/12/2020 ban hành Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo

2	Điền kinh 1	GT	NXB ĐHTN, 2017	02	Thành viên	4-239	QĐ số 267/QĐ-NXBĐHTN ngày 19/10/2017 Xuất bản giáo trình QĐ số 4317 ^a /QĐ-ĐHSP ngày 02/12/2020 ban hành Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo
II Sau khi được công nhận TS							
3	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	GT	NXB ĐHTN, 2021	02	Chủ biên	3-239	QĐ số 167/QĐ-NXBĐHTN ngày 03/8/2021 Xuất bản giáo trình QĐ số 2108/QĐ-ĐHSP ngày 30/08/2022
4	Phương pháp dạy học môn Giáo dục thể chất trong trường phổ thông	GT	NXB ĐHTN, 2023	05	Thành viên	Chương 5 Từ tr.185 - 230	Quyết định số 04LK-TN/QĐ-NXBĐHTN ngày 31/01/2023 Xuất bản giáo trình Quyết định số 1731/QĐ-ĐHSP ngày 06/7/2023 Về việc sử dụng giáo trình
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học và Đo lường thể thao	GT	NXB ĐHTN, 2023	03	Đồng chủ biên	Chương 1,2 từ tr.3-66; Chương 5 từ tr.166-180	Quyết định số 16LK-CN/QĐ-NXBĐHTN ngày 16/02/2023 Xuất bản giáo trình Quyết định số 1733/QĐ-ĐHSP ngày 06/7/2023 Về việc sử dụng giáo trình
6	Giáo dục học Thể dục thể thao	GT	NXB ĐHTN, 2023	02	Chủ biên	3-132	Quyết định số 73LK-CN/QĐ-NXBĐHTN ngày 08/8/2023 Xuất bản giáo trình Quyết định số 3764/QĐ-ĐHSP ngày 06/11/2023 Về việc sử dụng giáo trình

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Quyết định giao nhiệm vụ (số, ngày tháng)	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS					
1	Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực cho sinh viên không chuyên Thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	CN	Cấp Cơ sở	Số 2806/QĐ-QLKH ngày 18/9/2013	T9/2013-T6/2014	Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu (Số 1871/QĐ-ĐHSP 11/6/2014) Xếp loại: Tốt
2	Nghiên cứu và ứng dụng giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Điện kinh (Ném dây) cho sinh viên Khoa Thể dục Thể thao Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	CN	Cấp Cơ sở	Quyết định số 3085/QĐ-ĐHSP ngày 11/9/2014	T9/2014-T6/2015	Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu (Số 4020/QĐ-ĐHSP ngày 02/11/2015) Xếp loại: Tốt
II	Sau khi được công nhận TS					
3	Xây dựng bộ công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông khu vực miền núi phía Bắc theo hướng phát triển năng lực	CN	ĐH2023-TN04-02, Cấp Đại học Thái Nguyên	Quyết định số 860/QĐ-ĐHTN ngày 10/3/2023	3/2023-8/2025 (Ra hạn 06 tháng)	Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp Cơ sở (Số 1341/QĐ-ĐHSP ngày 19/5/2025) Nghiệm thu ngày: 27/5/2025 Xếp loại: Đạt Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp Đại học (Số 2735/QĐ-ĐHTN ngày 03/6/2025) Nghiệm thu ngày: 11/6/2025 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1.	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Khoa Thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	01	x	Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn Luyện thể thao, ISSN:1859-4417			Số 5, trang 47-53	2014
2.	Lựa chọn nội dung và hình thức tập luyện ngoại khóa môn thể thao tự chọn cho sinh viên không chuyên TDDT, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường Đại học Sư phạm toàn quốc lần thứ V năm 2015, ISBN:9786040074751			Trang 481-488	2015
3.	Thực trạng thể lực chung của sinh viên Khóa 51, Khoa Thể dục thể thao, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	03		Tạp chí Sinh lý học Việt Nam, ISSN:1859-2376			Tập 21, Số N ⁰ 2, trang 64-68	2017
4.	Thực trạng công tác giáo dục thể chất tại các trường tiểu học của tỉnh	03		Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn Luyện thể			Số 3, trang 42-47	2018

	Thái Nguyên			thao, ISSN:1859-4417				
5.	Thực trạng sử dụng trò chơi vận động ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên	01	x	Tạp chí Khoa học thể thao, ISSN:1859-4662			Số 3, trang 70-73	2018
6.	Ưu điểm của chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp (POHE) so với chương trình truyền thống tại Khoa Thể dục thể thao, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.	02	x	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Thể thao, ISSN:2588-1345			Số 4, trang 4-10	Tháng 6/2018
7.	Lựa chọn trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên	01	x	Tạp chí Khoa học thể thao, ISSN:1859-4662			Số 4, trang 69-72	2019
8.	Lựa chọn và ứng dụng trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học khối lớp 2 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN:1859-2171			Tập 201, số 08, trang 205-209	2019
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
Bài báo khoa học Quốc tế uy tín								
9.	The Effectiveness of Physical Education Classes Through Collaborative Learning Methods for the Physical Development of 11th-Grade Students in Vietnam https://doi.org/10.2478/pjs	03	x	Polish Journal of Sport and Tourism, ISSN:1899-1998	Scopus (CiteScore : 1.3, Q3)		Volume 31, Issue 1, page 31-37	Tháng 3/2024

	<u>t-2024-0005</u>							
10.	The effectiveness of the physical education curriculum following the Sports Club model on the physical development of high school students in Vietnam https://doi.org/10.15561/26649837.2024.0508	03	x	Pedagogy of Physical Culture and Sports, ISSN: 2664-9837	Scopus (CiteScore: 2.8, Q3)		Vol. 28 No. 5, page 396-406	Tháng 10/2024
11.	Competency-Based Assessment of High School Students in Physical Education in Vietnam: Perspectives and Practices https://doi.org/10.26803/ijlter.24.4.23	03	x	International Journal of Learning, Teaching and Educational Research, e-ISSN: 1694-2116, p-ISSN: 1694-2493	Scopus (CiteScore: 2.3, Q3)		Vol. 24, No. 4, page 501-524	Tháng 4/2025
12.	Effect 10-Weeks Extracurricular Sports Training Program in Physical Education Courses for Male Students of University of Medicine and Pharmacy https://doi.org/10.15379/ijmst.v10i3.1916	02	x	International Journal of Membrane Science and Technology, E-ISSN: 2410-1869	Scopus Q4		Vol. 10, No. 3, page 2117-2124	Tháng 9/2023
13.	Applying the flipped classroom in teaching physical education in Vietnam (https://doi.org/10.1063/5.0111845)	04	x	The 4th International Annual Meeting on STEM Education. AIP Conference Proceedings: 978-0-7354-4437-9	Scopus		Volume 2685, Issue 1, page: 020005-1– 020005-6	Tháng 5/2023

Bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế thường

14.	Online teaching at the faculty of physical education and sports, Thai Nguyen university of education, Vietnam: situation and solutions http://dx.doi.org/10.46827/ejpe.v8i2.4220 .	01	x	European Journal of Physical Education and Sport Science, ISSN: 2501 -1235 ISSN-L: 2501 - 1235			Volume 8, Issue 2, page 13-22	2022
15.	The actual situation of testing and assessing physical education results point in the direction of developing quality and capacity for students at DPA primary school in Thai Nguyen province, Vietnam doi:10.46827/ejpe.v8i3.4307	02	x	European Journal of Physical Education and Sport Science, ISSN: 2501 -1235 ISSN-L: 2501 - 1235			Volume 8, Issue 3, page 106 - 118	2022
16.	Actual Situation of Pedagogical Training Activities of Students of Faculty of Physical Education and Sports, Thai Nguyen University of Education and Influencing Factors (DOI:10.32996/jspes.2023.3.2.2)	01	x	Journal of Sports and Physical Education Studies, ISSN: 2788-788X			Vol. 3, No. 2, page 7-16	7/2023
17.	Situation of the teaching physical education for seventh graders in Thai Nguyen city from the perspective of division in education	04	x	European Journal of Physical Education and Sport Science, ISSN: 2501 -1235 ISSN-L: 2501 -			Volume 10, Issue 3, page 80-88	2023

	(DOI:10.46827/ejpe.v10i3.5045)			1235				
18.	Applying the case method in teaching the department of defense and security education at Thai Nguyen high school, Vietnam (DOI:10.46827/ejpe.v9i5.4739)	02	x	European Journal of Physical Education and Sport Science, ISSN: 2501 -1235 ISSN-L: 2501 -1235			Volume 9, Issue 5, page 11-20	2023
19.	Evaluation of the current situation of physical education work at Chu Van An high school, Thai Nguyen province, Vietnam (DOI:10.46827/ejpe.v9i4.4617)	02	x	European Journal of Physical Education and Sport Science, ISSN: 2501 -1235 ISSN-L: 2501 -1235			Volume 9, Issue 4, page 17-27	2023
20.	Building a tool to test and evaluate learning outcomes on the topic Basketball for 3rd grade students towards capacity development https://doi.org/10.33545/26647249.2023.v5.i2b.80	02	X	International Journal of Physiology, Exercise and Physical Education, ISSN Print: 2664-7249 ISSN Online: 2664-7257			Volume 5, Issue 2, page 112-116	2023
21.	Solutions to improve the effectiveness of physical education for students at Chu Van An high school, Thai Nguyen province, Vietnam http://dx.doi.org/10.46827/ejpe.v9i5.4740	01	x	European Journal of Physical Education and Sport Science, ISSN: 2501 -1235 ISSN-L: 2501 -1235			Volume 9, Issue 5, page 21-31	2023
22.	Selection of supplementary exercises	03	x	International Journal of			Volume 5, Issue	2023

	in breaststroke technique for students of course 56 in physical education, Thai Nguyen University of Education, https://doi.org/10.33545/26647249.2024.v6.i1a.84			Physiology, Exercise and Physical Education, P- ISSN Print: 2664-7249 ISSN Online: 2664-7257			2, page 14-17	
23.	Current status of physical education work at Thai Nguyen Ethnic Boarding School, Vietnam https://doi.org/10.33545/26647559.2024.v6.i1c.123	02	x	International Journal of Sports, Health and Physical Education, ISSN Print: 2664-7559 ISSN Online: 2664-7567			Volume 6, Issue 1, page 190-194	2024
24.	Develop test and evaluation tools for the competency of physical education and sports activities in teaching 10th grade physical education syllabus https://doi.org/10.22271/journalofsport.2024.v9.i1d.2919	03	x	International Journal of Physiology, Nutrition and Physical Education, ISSN: 2456-0057			Volume 9, Issue 1, page 215-219	2024
25.	The current situation of testing and evaluating Physical Education learning outcomes in the direction of developing capacity for students in Grade 4, Song Cong city, Thai Nguyen province, https://doi.org/10.33545/26647281.2024.v6.i2c.126	02	x	International Journal of Sports, Exercise and Physical Education, ISSN Print: 2664-7281 ISSN Online: 2664-729X			Volume 6, Issue 2, page 193-198	2024

26.	The current status of extra-curricular sports activities of female students of Hanoi Medical College https://doi.org/10.33545/26647249.2024.v6.i2b.122	02	x	International Journal of Physiology, Exercise and Physical Education, P- ISSN Print: 2664-7249 ISSN Online: 2664-7257			Volume 6, Issue 2, page 83-86	2024
27.	The current awareness of teachers and students regarding the testing and assessment of learning outcomes in physical education at high schools in the northern mountainous region of Vietnam, https://doi.org/10.33545/26647249.2025.v7.i1a.145	03	x	International Journal of Physiology, Exercise and Physical Education, P-ISSN: 2664-7249, E-ISSN: 2664-7257			Volume 6, Issue 2, page 25-28	2024
28.	The current situation of STEM application in physical education teaching at Doi Can 1 primary school, Thai Nguyen City https://www.doi.org/10.33545/26649799.2025.v7.i1e.180	03	x	International Journal of Humanities and Education Research, ISSN Print: 2664-9799 ISSN Online: 2664-9802			Volume 7, Issue 1, page 471-473	2025
29.	The current status of using the flipped classroom model in teaching physical education in Vietnamese High Schools	03	x	International Journal of Physiology, Exercise and Physical Education,			Volume 7, Issue 1, page 167-170	2025

	https://doi.org/10.33545/26647249.2025.v7.i1c.1 66			ISSN Print: 2664-7249 ISSN Online: 2664-7257				
Bài báo khoa học đăng trên kỷ yếu Hội thảo Quốc tế								
30.	Solutions to improve the capacity of the physical education teaching staff to meet the requirements of education renovation	03	x	Proceedings of the 2nd international conference on teacher education renovation icter 2019 conjunction with "I am stem 2019", ISBN:978-604915924-4			Page 453-457	2020
31.	Developing the training programs for teachers in physical education to respond to the needs of the labor market in the context of the technology revolution 4.0	02	x	Proceedings of 3RD international conference on teaching education renovation (ICTER 2020): “Teaching competencies for education 4.0”, ISBN:978-604-9984-82-2			Page 471-476	2020
32.	Improving the quality of physical education at thai nguyen ethnic minority boarding high school to meet the renovation of the high	02	x	Proceedings of the 4th international conference on teacher education			Page 233-239	2021

	school education program			renovation ICTER 2021 “Training Teachers, Education Managers for Ethnic Minority, Mountainous and Disadvantaged Areas”, ISBN: 978-604-350-031-8				
Bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước								
33.	Ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển thể lực cho học sinh lớp 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	01	x	Tạp chí Khoa học thể thao, ISSN: 1859-4662			Số 6, trang 45-49	2019
34.	Thực trạng kỹ năng làm việc nhóm trong học tập của sinh viên Khoa Thể dục thể thao, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên	02	x	Tạp chí Dạy và Học ngày nay, ISSN: 1859-2694			Kỳ 2-05/2021, trang 108-110	2021
35.	Biện pháp rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm trong học tập cho sinh viên Khoa Thể dục thể thao, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên	02	x	Tạp chí Dạy và Học ngày nay, ISSN: 1859-2694			Kỳ 1-06/2021, trang 58-60	2021
36.	Tổ chức dạy học hợp tác trong môn Thể dục tại Trường trung học phổ thông Thái Nguyên	02	x	Tạp chí Giáo dục và Xã hội, ISSN: 1859-3917			Số đặc biệt tháng 8, trang 453-456	2021

37.	Thực trạng hoạt động Thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên	02	x	Tạp chí khoa học Đào tạo và Huấn Luyện thể thao, ISSN: 1859-4417			Số 5, trang 53-56	2021
Bài báo khoa học đăng trên kỷ yếu Hội thảo trong nước								
38.	Xây dựng quy trình dạy học tích hợp trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.	03	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Quốc gia “Công tác Giáo dục thể chất và Thể thao trường học ở các trường đại học, học viện, cao đẳng trong xu thế hội nhập quốc tế ISBN: 978-604-393-918-7			Trang 341-348	2023
39.	Phát triển chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất theo định hướng đáp ứng chuẩn đầu ra ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.	04	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc năm 2025 “Công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học trong các cơ sở giáo dục đại học, học viện và cao đẳng trong xu thế hội nhập quốc tế”, ISBN: 978-604-489-836-0			Trang 64 - 70	2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: Gồm 04 bài báo với các số thứ tự [9], [10], [11], [12].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao):

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Huấn luyện VĐV đạt 01 huy chương Vàng môn Nhảy cao tại Hội thi Nghiệp vụ Sư phạm - Văn nghệ - Thể thao Toàn quốc lần thứ V	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Số 1358/TB-BGDĐT Ngày 30/10/2013	Toàn quốc	02

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Phát triển chương trình đào tạo Giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm – ĐHTN năm 2018	Thành viên	Số 2876/QĐ-ĐHSP, ngày 23/7/2018	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Số 3376/QĐ-ĐHSP, ngày 21/8/2018	
2	Phát triển chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất áp dụng từ Khóa 55 của Trường Đại học Sư phạm	Thành viên	Số 421/QĐ-ĐHSP, ngày 28/02/2020	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Số 3473/QĐ-ĐHSP, ngày 15/10/2020	

3	Phát triển chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất hệ chính quy năm 2022 của Trường Đại học Sư phạm	Thành viên	Số 837/QĐ-ĐHSP, ngày 14/4/2022	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Số 1936/QĐ-ĐHSP, ngày 09/8/2022	
4	Phát triển chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Giáo dục thể chất năm 2023 của Trường Đại học Sư phạm	Thành viên	Số 424/QĐ-ĐHSP, ngày 28/02/2023	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Số 3148/QĐ-ĐHSP, ngày 29/9/2023	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
Không

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Tú